

QUYẾT ĐỊNH
Vv: BAN HÀNH BIỂU GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG
BẾN CẢNG CHUYÊN DỪNG CALOFIC

TỔNG GIÁM ĐỐC

- Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ quy định về niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển;
- Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
- Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/05/2024 của Bộ Giao thông Vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 ban hành khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam;
- Căn cứ vào quy mô và tính chất hoạt động tại Bến cảng chuyên dùng Calofic của Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM.

Điều I: Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu giá dịch vụ sử dụng Bến cảng chuyên dùng Calofic của Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM (sau đây gọi là “**Calofic Hiệp Phước**”). Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến giá dịch vụ sử dụng Bến cảng chuyên dùng Calofic, bao gồm các chủ tàu/đại lý tàu biển đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế, chủ tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa, chủ hàng có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được bảo quản, bốc dỡ, giao nhận thông qua Bến cảng chuyên dùng Calofic.

Điều II: Giá quy định tại Biểu giá dịch vụ sử dụng Bến cảng chuyên dùng Calofic ban hành kèm theo Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Việc tính thuế giá trị gia tăng sẽ căn cứ theo quy định hiện hành của Nhà nước tại từng thời điểm.

Điều III: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký 13/09/2024 đến khi có quyết định mới của Calofic Hiệp Phước và thay thế các văn bản trước đây về cùng nội dung.

Điều IV: Các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng Hải Việt Nam (để b/c)
- Cảng vụ Hàng Hải Tp. HCM (để b/c)
- Các đại lý, hãng tàu và khách hàng
- Lưu: Hồ sơ cảng



VŨ VĂN PHÚ

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG BẾN CẢNG CHUYÊN DỪNG CALOFIC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1303-2024/CLFHP ngày 13 tháng 09 năm 2024)

PHẦN I QUY ĐỊNH CHUNG

1. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1.1- Biểu giá dịch vụ sử dụng Bến cảng chuyên dùng Calofic thuộc Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM được áp dụng kể từ ngày 13 tháng 09 năm 2024 cho các đối tượng sau:

- Tàu thuyền vận tải hàng hóa hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, hoặc neo đậu tại Bến cảng chuyên dùng Calofic;
- Tàu thuyền hoạt động vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vào, rời, hoặc neo đậu tại Bến cảng chuyên dùng Calofic;
- Hàng hóa xuất, nhập khẩu là hàng lỏng dầu thực vật các loại của các công ty con, công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar tại Việt Nam được bảo quản, bốc dỡ, giao nhận thông qua hệ thống đường ống hoặc bằng hình thức cập mạn tàu để bốc dỡ hàng hóa tại Bến cảng chuyên dùng Calofic theo quy định tại Quyết định số 188/QĐ-CHHVN ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Cục Hàng hải Việt Nam (“**Quyết định 188**”).

1.2- Đối tượng thanh toán giá dịch vụ sử dụng Bến cảng chuyên dùng Calofic:

- Các tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện tàu thuyền Việt Nam hoặc tàu thuyền nước ngoài vào, rời, hoặc neo đậu tại Bến cảng chuyên dùng Calofic; hoặc
- Các đại lý tàu biển đối với tàu thuyền nước ngoài vào, rời hoặc neo đậu tại Bến cảng chuyên dùng Calofic.
- Các công ty con, công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar tại Việt Nam có hàng hóa xuất, nhập khẩu được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản,... tại Bến cảng chuyên dùng Calofic theo quy định tại Quyết định 188.

2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1- Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với dịch vụ sử dụng Bến cảng chuyên dùng Calofic được cung cấp cho tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

2.2- Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam đối với dịch vụ sử dụng Bến cảng chuyên dùng Calofic được cung cấp cho tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

2.3- Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.

3. ĐƠN VỊ TÍNH PHÍ, GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG BẾN CẢNG CHUYÊN DỪNG CALOFIC VÀ CÁCH QUY TRÒN

3.1- Đơn vị tính giá dịch vụ

Giá dịch vụ sử dụng Bến cảng chuyên dùng Calofic được tính trên cơ sở sau đây:

- Đơn vị tính giá dịch vụ áp dụng cho tàu thuyền: (i) tổng dung tích (GROSS TONNAGE – GT); (ii) thời gian được tính bằng giờ, ngày;
- Đơn vị tính giá dịch vụ áp dụng đối với hàng hóa: khối lượng hàng hoá (kể cả bao bì) được tính bằng tấn (T).

3.2- Cách quy tròn

3.2.1- Đơn vị tính tổng dung tích:

- Đối với tàu chở hàng lỏng (LIQUID CARGO TANKERS): dung tích tính giá dịch vụ tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có các kết nước dằn.
- Đối với tàu thuyền không ghi GT, trọng tải tính giá dịch vụ được quy đổi như sau:

362-C
NHÀ
TY T
LOI
EP PH
PHCN
TP. HỒ

- Tàu biển và phương tiện thủy nội địa chở hàng tự hành: 1,5 tấn trọng tải đăng ký tính bằng 01 GT.
- Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01 GT.
- Tàu kéo, tàu đẩy: 01 mã lực (HP/CV) tính bằng 0,5 GT; 01 kW tính bằng 0,7 GT.
- Tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: dung tích tính giá dịch vụ là tổng dung tích của cả đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn bao gồm sà lan và tàu kéo (hoặc tàu đẩy).

Đối với việc quy đổi theo quy định tại điểm b khoản 3.2.1 Điều này: chọn phương thức quy đổi có dung tích GT lớn nhất.

- c. Phần lẻ dưới 0,5 GT không tính; từ 0,5 GT trở lên tính bằng 01 GT.

3.2.2- Đơn vị tính thời gian:

- a. Đối với đơn vị thời gian là ngày: Một ngày tính là 24 giờ, phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng $\frac{1}{2}$ ngày, trên 12 giờ đến dưới 24 giờ tính bằng 01 ngày.
- b. Đối với đơn vị thời gian là giờ: Một giờ tính bằng 60 phút, phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng $\frac{1}{2}$ giờ, trên 30 phút đến dưới 60 phút tính bằng 01 giờ.

3.2.3- Đơn vị tính khối lượng hàng hóa:

Phần lẻ dưới 0,5 tấn không tính; từ 0,5 tấn trở lên tính bằng 01 tấn.

PHẦN II.

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG BẾN CẢNG CHUYÊN DỪNG CALOFIC

4- GIÁ SỬ DỤNG BẾN CẢNG CHUYÊN DỪNG CALOFIC

TT	Loại dịch vụ	Mức giá dịch vụ	Đơn vị tính
I	Đối với tàu thuyền		
1	Tàu thuyền neo buộc tại bến cảng – Áp dụng đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa theo quy định tại Mục I.1 Khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 809/QĐ-BGTVT	13,50	Đồng/GT/giờ
2	Tàu thuyền neo buộc tại bến cảng – Áp dụng đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế theo quy định tại Mục I.1 Khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 809/QĐ-BGTVT	0,0028	USD/GT/giờ
II	Đối với hàng hóa		
3	Hàng hóa xuất, nhập khẩu là hàng lỏng dầu thực vật các loại của các công ty con, công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar tại Việt Nam được bốc dỡ, giao nhận thông qua hệ thống đường ống hoặc bằng hình thức cập mạn tàu để bốc dỡ hàng hóa tại Bến cảng chuyên dùng Calofic – Áp dụng đối với hàng hóa hoạt động vận tải quốc tế theo quy định tại Mục II.4 Khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 809/QĐ-BGTVT	0,81	USD/tấn

5- VIỆC XỬ LÝ GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP KỂ TỪ NGÀY BIỂU GIÁ CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH NHƯ SAU:

5.1- Đối với dịch vụ phát sinh theo hợp đồng đã ký kết với khách hàng trước ngày Biểu giá này có hiệu lực: giá dịch vụ quy định tại Biểu giá này sẽ được áp dụng cho dịch vụ được sử dụng sau ngày Biểu giá này có hiệu lực cho thời hạn còn lại của hợp đồng.

5.2- Đối với dịch vụ phát sinh theo hợp đồng được ký kết với khách hàng sau ngày Biểu giá này có hiệu lực thì thực hiện theo mức giá quy định tại Biểu giá này.



(Handwritten signature)